

THỜI KHOÁ BIỂU VÀ LỊCH THI CÁC MÔN HỌC LẠI

Học kỳ II - năm học 2013 – 2014

(Cho các lớp đại học và cao đẳng đào tạo theo hệ thống tín chỉ)

I. Đại học chính quy đa khoa theo tín chỉ:

TT	Tên môn học	Lịch học			Lịch thi	
		Thời gian	Ghi chú	GĐ	Thời gian	GĐ
1	Vật lý đại cương 1	Tối 08,10,11/4/2014		5	Tối 16/4/2014	13
2	Ngoại ngữ 1	Tối 27,28/3/2014	Học cùng ĐK theo NC	6	Tối 04/4/2014	13,14
3	Tin học	Sáng + Chiều 05/4/2014	Học cùng ĐK theo NC	3	Tối 17/4/2014	13
4	Toán thống kê y dược 1	Tối 21/3 + Sáng 22/3/2014	Học cùng ĐK theo NC	6	Tối 31/3/2014	14
5	Hoá đại cương vô cơ	Tối 01,02/4/2014		7	Tối 07/4/2014	13
6	Giáo dục thể chất 1	TKB liên hệ trực tiếp với BM				
7	Giáo dục thể chất 2	TKB liên hệ trực tiếp với BM				
8	<i>Hoá hữu cơ 2</i>	Tối 27,28/3/2014		7	Tối 11/4/2014	13,14
9	<i>Ngoại ngữ 3</i>	Tối 20,21/3/2014	Học cùng ĐK theo NC	5	Sáng 29/3/2014	13,14
10	<i>LT Hoá phân tích 1</i>	Sáng 22/3 + Tối 24/3/2014	Học cùng ĐK theo NC	3	Tối 01/4/2014	12
11	<i>Thực vật dược</i>	Tối 02,03,04/4/2014	Học cùng ĐK theo NC	6	Tối 08/4/2014	13,14
12	<i>Giáo dục thể chất 3</i>	TKB liên hệ trực tiếp với BM				
13	<i>Giải phẫu sinh lý</i>	Sáng, Chiều 05/4 + Tối 07/4/2014		6	Chiều 12/4/2014	13,14
14	<i>Vì sinh</i>	Tối 17,18/3/2014		7	Tối 26/3/2014	20
15	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tối 31/3/2014		6	Chiều 05/4/2014	14
16	Độc chất	Tối 21/3/2014	Học cùng ĐK theo NC	12	Tối 28/3/2014	12,13 ,14, 20
17	Môi trường	Tối 07/4/2014		5	Tối 14/4/2014	13
18	Hóa sinh	Sáng 22/3 + Tối 24/3/2014		12	Chiều 29/3/2014	12,13 ,14

TT	Tên môn học	Lịch học			Lịch thi	
		Thời gian	Ghi chú	GĐ	Thời gian	GĐ
19	Dược liệu 1	Tối 04/4 + Sáng 05/4/2014		8	Tối 10/4/2014	13
20	Hóa dược 1	Tối 26,27/3/2014		8	Tối 03/4/2014	14
21	Bệnh học cơ sở	Tối 19,20/3/2014		8	Tối 25/3/2014	13

II. Liên thông:

TT	Tên môn học	Lịch học			Lịch thi	
		Thời gian	Ghi chú	GĐ	Thời gian	GĐ
1	Hóa đại cương vô cơ	Tối 14,15/4/2014		Niêm yết sau	Sáng 19/4/2014	Niêm yết sau
2	Vật lý đại cương	Tối 17,18/4/2014		Niêm yết sau	Tối 24/4/2014	Niêm yết sau
3	Ngoại ngữ 1	Chiều 19/4 + Tối 21/4/2014		Niêm yết sau	Chiều 26/4/2014	Niêm yết sau
4	Sinh học đại cương	Tối 25/4 + Chiều 26/4/2014		Niêm yết sau	Tối 05/5/2014	Niêm yết sau
5	Toán thống kê y dược 1	Tối 16/4/2014		Niêm yết sau	Tối 22/4/2014	Niêm yết sau
6	Tâm lý và đạo đức y học	Tối 23/4/2014		Niêm yết sau	Tối 28/4/2014	Niêm yết sau
7	Hóa hữu cơ 2	Tối 20,21/3/2014		9	Sáng 29/3/2014	12
9	Hóa phân tích 1	Sáng 22/3 + Tối 24/3/2014	Học cùng ĐK theo NC	3	Tối 01/4/2014	13
10	Nguyên lý cơ bản ML 2	Tối 27,28/3/2014	Học cùng ĐK theo NC	5	Sáng 05/4/2014	13
11	Ký sinh trùng	Tự học			Chiều 12/4/2014	13
12	Hóa lý dược	Chiều 29/3 + Tối 31/3/2014	Học cùng LT theo NC	4	Tối 08/4/2014	14
14	Giải phẫu sinh lý	Tự học			Tối 11/4/2014	14

III. Cao đẳng:

TT	Tên môn học	Lịch học			Lịch thi	
		Thời gian	Ghi chú	GĐ	Thời gian	GĐ
1	Ngoại ngữ 1	Tối 28,29/4/2014		Niêm yết sau	Tối 08/5/2014	Niêm yết sau
2	Toán thống kê y dược	Chiều 19/4 + Tối 21/4/2014		Niêm yết sau	Tối 05/5/2014	Niêm yết sau
3	Vật lý đại cương	Tối 14,15/4/2014		Niêm yết sau	Sáng 19/4/2014	Niêm yết sau
4	Hóa đại cương vô cơ	Sáng + Chiều 26/4/2014		Niêm yết sau	Chiều 07/5/2014	Niêm yết sau

TT	Tên môn học	Lịch học			Lịch thi	
		Thời gian	Ghi chú	GD	Thời gian	GD
5	Sinh học – di truyền	Tối 16/4/2014		Niêm yết sau	Tối 22/4/2014	Niêm yết sau
6	NLCB chủ nghĩa MacLenin 1	Tối 23,24/4/2014		Niêm yết sau	Tối 06/5/2014	Niêm yết sau
7	Tin học	Tối 17,18/4/2014		Niêm yết sau	Tối 25/4/2014	Niêm yết sau
8	Giáo dục thể chất 1	TKB liên hệ trực tiếp với BM				
9	Giáo dục thể chất 2	TKB liên hệ trực tiếp với BM				
10	Giáo dục thể chất 3	TKB liên hệ trực tiếp với BM				
11	Ngoại ngữ 3	Tối 27,28/3/2014		9	Sáng 05/4/2014	14
12	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tối 19,20/3/2014		10	Sáng 29/3/2014	12,13
13	Bệnh học	Tối 21/3 + Sáng 22/3/2014		7	Tối 01/4/2014	13,14
14	Hóa phân tích	Tối 24,25/3/2014		5	Tối 03/4/2014	13,14
15	Hóa sinh	Tối 17,18/3/2014		12	Tối 26/3/2014	12,13, 14
16	Giáo dục quốc phòng	Tự học			Tối 07/4/2014	13
17	Dược lý	Tối 20,21/3/2014		11	Tối 27/3/2014	14
18	Pháp chế dược	Tối 18,19/3/2014		9	Tối 24/3/2014	6
19	Kiểm nghiệm	Tối 25,26/3/2014		6	Tối 31/3/2014	13,14
20	Bào chế	Sáng + Chiều 29/3/2014		7	Tối 04/4/2014	14
21	CD các nhóm DCVC	Tự học			Chiều 05/4/2014	14

Ghi chú:

Thời gian học (5 tiết/buổi): Sáng: từ 7h30

Chiều: từ 13h30

Tối: từ 17h30

Thời gian thi: Sáng: từ 8h30

Chiều: từ 14h00

Tối: từ 17h30

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2014

Người lập kế hoạch

Phó trưởng phụ trách
Phòng đào tạo

KT. Hiệu trưởng
Phó hiệu trưởng

Phan Lê Bình Mai

Vũ Xuân Giang



Phan Lê Bình Mai

Vũ Xuân Giang

Thái Nguyễn Hùng Thu

THỜI KHOÁ BIỂU VÀ LỊCH THI CÁC MÔN HỌC LẠI

Học kỳ II - năm học 2013 – 2014

(Cho các lớp đại học đào tạo theo niên chế)

I. Đại học chính quy đa khoa:

TT	Tên môn học	Lịch học		Lịch thi	
		Thời gian	GD	Thời gian	GD
1	Toán cao cấp	Tối 21/3 + Sáng 22/3/2014	6	Tối 31/3/2014	13
2	Ngoại ngữ 1	Tối 27,28/3/2014	6	Tối 04/4/2014	13
3	Hoá đại cương 1	Sáng + Chiều 29/3/2014	5	Tối 07/4/2014	13
4	Vật lý đại cương 1	Tự học		Tối 17/4/2014	13
5	Tin học	Sáng + Chiều 05/4/2014	3	Tối 17/4/2014	13
6	Giáo dục thể chất 1	TKB liên hệ trực tiếp với BM			
7	Giáo dục thể chất 2	TKB liên hệ trực tiếp với BM			
8	Giáo dục thể chất 3	TKB liên hệ trực tiếp với BM			
9	Hoá hữu cơ 1	Tối 18,19/3/2014	5	Tối 26/3/2014	12
10	Ngoại ngữ 3	Tối 20,21/3/2014	5	Sáng 29/3/2014	12
11	LT Hoá phân tích 1	Sáng 22/3 + Tối 24/3/2014	3	Tối 01/4/2014	12
12	NLCB CN Mác-Lênin 2	Tối 27,28/3/2014	5	Sáng 05/4/2014	13
13	Thực vật dược	Tối 02,03,04/4/2014	6	Tối 08/4/2014	13
14	Bệnh học	Tối 17,18/3/2014	4	Tối 25/3/2014	13,14
15	Ký sinh trùng	Tối 19,20/3/2014	6	Tối 27/3/2014	13
16	Hoá sinh 1	Tối 21/3 + Sáng 22/3/2014	4	Chiều 29/3/2014	12
17	LT Hoá dược 1	Tối 28/3 + Sáng 29/3/2014	4	Tối 03/4/2014	13
18	LT Dược liệu 1	Tối 01,02/4/2014	4	Tối 10/4/2014	13
19	Vi sinh	Tối 04/4 + Sáng 05/4/2014	7	Tối 14/4/2014	13
20	LT Bào chế 1	Tối 19,20/3/2014	4	Sáng 22/3/2014	16
21	Độc chất	Tối 21/3/2014	12	Tối 28/3/2014	12,13,14, 20
22	Đường lối CM của ĐCS VN	Tối 25,26/3/2014	4	Tối 02/4/2014	13,14
23	Y Dược học cổ truyền	Sáng, Chiều 29/3 + Tối 31/3/2014	3	Chiều 05/4/2014	13
24	Dược lý 2	Tối 03,04/4 + Sáng 05/4/2014	5	Tối 11/4/2014	12,13
25	Kinh tế dược	Tối 07,08/4/2014	4	Tối 15/4/2014	12

TT	Tên môn học	Lịch học		Lịch thi	
		Thời gian	GĐ	Thời gian	GĐ
26	CD GMP	Tự học		Tối 16/4/2014	13
27	Dược xã hội học	Tối 04/4/2014	4	Chiều 12/4/2014	12
28	CD hệ trị liệu qua da	Tự học		Tối 14/4/2014	13
29	CD Công nghệ nano	Tự học		Sáng 05/4/2014	13

II. Đại học chính quy định hướng các chuyên ngành:

TT	Tên môn học	Lịch học			Lịch thi	
		Thời gian	Ghi chú	GĐ	Thời gian	GĐ
1.	Toán cao cấp	Tối 21/3 + Sáng 22/3/2014	Học cùng ĐK theo NC	6	Tối 31/3/2014	13
2.	Ngoại ngữ 1	Tối 27,28/3/2014	Học cùng ĐK theo NC	6	Tối 04/4/2014	13
3.	Hoá đại cương 1	Sáng + Chiều 29/3/2014	Học cùng ĐK theo NC	5	Tối 07/4/2014	13
4.	Vật lý đại cương 1	Tự học	Học cùng ĐK theo NC		Tối 17/4/2014	13
5.	Tin học	Sáng + Chiều 05/4/2014	Học cùng ĐK theo NC	3	Tối 17/4/2014	13
6.	Giáo dục thể chất 1	TKB liên hệ trực tiếp với BM	Học cùng ĐK theo NC			
7.	Giáo dục thể chất 2	TKB liên hệ trực tiếp với BM	Học cùng ĐK theo NC			
8.	Giáo dục thể chất 3	TKB liên hệ trực tiếp với BM	Học cùng ĐK theo NC			
9.	Hoá hữu cơ 1	Tối 18,19/3/2014	Học cùng ĐK theo NC	5	Tối 26/3/2014	12
10.	Ngoại ngữ 3	Tối 20,21/3/2014	Học cùng ĐK theo NC	5	Sáng 29/3/2014	12
11.	LT Hoá phân tích 1	Sáng 22/3 + Tối 24/3/2014	Học cùng ĐK theo NC	3	Tối 01/4/2014	12
12.	NLCB CN Mác-Lênin 2	Tối 27,28/3/2014	Học cùng ĐK theo NC	5	Sáng 05/4/2014	13
13.	Thực vật dược	Tối 02,03,04/4/2014	Học cùng ĐK theo NC	6	Tối 08/4/2014	13
14.	Bệnh học	Tối 17,18/3/2014	Học cùng ĐK theo NC	4	Tối 25/3/2014	13,14
15.	Ký sinh trùng	Tối 19,20/3/2014	Học cùng ĐK theo NC	6	Tối 27/3/2014	13

TT	Tên môn học	Lịch học			Lịch thi	
		Thời gian	Ghi chú	GĐ	Thời gian	GĐ
16.	Hoá sinh 1	Tối 21/3 + Sáng 22/3/2014	Học cùng ĐK theo NC	4	Chiều 29/3/2014	12
17.	Hoá dược 1	Tối 28/3 + Sáng 29/3/2014	Học cùng ĐK theo NC	4	Tối 03/4/2014	13
18.	Dược liệu 1	Tối 01,02/4/2014	Học cùng ĐK theo NC	4	Tối 10/4/2014	13
19.	Vì sinh	Tối 04/4 + Sáng 05/4/2014	Học cùng ĐK theo NC	7	Tối 14/4/2014	13
20.	<i>LT Bào chế và SDH 1</i>	Tối 19,20/3/2014	Học cùng ĐK theo NC	4	Sáng 22/3/2014	17
21.	<i>Độc chất</i>	Tối 21/3/2014	Học cùng ĐK theo NC	12	Tối 28/3/2014	12,13,14 ,20
22.	<i>Đường lối CM của ĐCS VN</i>	Tối 25,26/3/2014	Học cùng ĐK theo NC	4	Tối 02/4/2014	13,14
23.	<i>Dược học cổ truyền</i>	Sáng, Chiều 29/3 + Tối 31/3/2014	Học cùng ĐK theo NC	3	Chiều 05/4/2014	13
24.	<i>Dược lý 2</i>	Tối 03,04/4 + Sáng 05/4/2014	Học cùng ĐK theo NC	5	Tối 11/4/2014	12,13
25.	<i>Kinh tế dược</i>	Tối 07,08/4/2014	Học cùng ĐK theo NC	4	Tối 15/4/2014	12
26.	<i>Quá trình và thiết bị/SXDP</i>	Tự học			Tối 16/4/2014	13
27.	<i>Dược lý 3</i>	Tự học			Tối 16/4/2014	13
28.	<i>Quản lý và cung ứng thuốc</i>	Tự học			Tối 16/4/2014	13
29.	CN lên men trong SXDP	Tự học			Tối 26/3/2014	20
30.	CĐ GMP	Tự học			Tối 16/4/2014	13
31.	Tư vấn sử dụng thuốc	Tự học			Sáng 29/3/2014	12
32.	Thông tin thuốc	Tự học			Tối 01/4/2014	13
33.	Dược xã hội học	Tối 04/4/2014	Học cùng ĐK theo NC	4	Chiều 12/4/2014	12
34.	Thiết kế NC cộng đồng	Tự học			Tối 08/4/2014	13
35.	CĐ Hệ trị liệu qua da	Tự học			Tối 14/4/2014	13

III. Liên thông:

TT	Tên môn học	Lịch học			Lịch thi	
		Thời gian	Ghi chú	GĐ	Thời gian	GĐ
1.	Toán cao cấp	Tối 16/4/2014	Học cùng LT theo TC	Niêm yết sau	Tối 22/4/2014	Niêm yết sau
2.	Hoá đại cương	Tối 14,15/4/2014	Học cùng LT theo TC	Niêm yết sau	Sáng 19/4/2014	Niêm yết sau
3.	Vật lý đại cương	Tối 17,18/4/2014	Học cùng LT theo TC	Niêm yết sau	Tối 24/4/2014	Niêm yết sau
4.	<i>Hoá hữu cơ 2</i>	Tự học			Tối 26/3/2014	12
5.	<i>Hoá lý dược</i>	Chiều 29/3 + Tối 31/3/2014		4	Tối 08/4/2014	14
6.	Hoá sinh 2	Tối 17,18/3/2014		6	Sáng 22/3/2014	17
7.	Dược lý 1	Tối 19,20/3/2014	Học cùng BH	7	Chiều 29/3/2014	12
8.	LT Hoá dược 1	Tối 28/3 + Sáng 29/3/2014	Học cùng ĐK theo NC	4	Tối 03/4/2014	13
9.	LT Dược liệu	Tối 01,02/4/2014	Học cùng ĐK theo NC	4	Tối 10/4/2014	13
10.	Dược xã hội học	Tối 04/4/2014	Học cùng ĐK theo NC	4	Chiều 12/4/2014	12
11.	Kinh tế dược	Tối 07,08/4/2014	Học cùng ĐK theo NC	4	Tối 15/4/2014	12
12.	<i>LT Bào chế 2</i>	Tự học			Tối 02/4/2014	13
13.	<i>LT sản xuất thuốc</i>	Tối 31/3 + Tối 01/4/2014	Học cùng BH	5	Chiều 05/4/2014	13
14.	<i>Kiểm nghiệm DP</i>	Sáng + Chiều 29/3/2014	Học cùng BH	6	Tối 04/4/2014	13

IV. Bảng hai

TT	Tên môn học	Lịch học			Lịch thi	
		Thời gian	Ghi chú	GĐ	Thời gian	GĐ
1.	Hoá hữu cơ	Tự học			Tối 31/3/2014	13
2.	Hoá đại cương VC	Tự học			Chiều 12/4/2014	14
3.	Thực vật	Tối 02,03,04/4/2014	Học cùng ĐK theo NC	6	Tối 10/4/2014	13
4.	<i>Bệnh học cơ sở</i>	Tối 17,18/3/2014	Học cùng ĐK theo NC	4	Tối 25/3/2014	14
5.	<i>Dược lý 1</i>	Tối 19,20/3/2014		7	Chiều 29/3/2014	12

6.	LT Hoá dược 1	Tối 28/3 + Sáng 29/3/2014	Học cùng ĐK theo NC	4	Sáng 05/4/2014	13
7.	Dược xã hội học	Tối 04/4/2014	Học cùng ĐK theo NC	4	Tối 17/4/2014	13
8.	LT sản xuất thuốc	Tối 31/3 + Tối 01/4/2014		5	Chiều 05/4/2014	14
9.	Dược lâm sàng	Tự học			Tối 15/4/2014	12
10.	Kiểm nghiệm DP	Sáng + Chiều 29/3/2014		6	Tối 04/4/2014	13

Ghi chú:

Thời gian học (5 tiết/buổi): Sáng: từ 7h30

Chiều: từ 13h30

Tối: từ 17h30

Thời gian thi:

Sáng: từ 8h30

Chiều: từ 14h00

Tối: từ 17h30

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2014

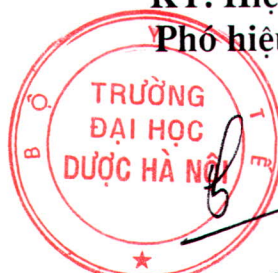
Người lập kế hoạch

Phó trưởng phụ trách
Phòng đào tạo

KT. Hiệu trưởng
Phó hiệu trưởng

Phan Lê Bình Mai

Vũ Xuân Giang



Phan Lê Bình Mai

Vũ Xuân Giang

Thái Nguyễn Hùng Thu